

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày 08 ngày 4 năm 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Sơ

Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cầm Văn B, sinh năm 1970 và bà Lò Thị S, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hà Văn P, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Tòng Văn P2, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Cầm Văn B và bà Lò Thị S trình bày như sau:

Ngày 8/8/2017, ông B vay của ông Tòng Văn P2 vay số tiền là 150.000.000VNĐ, có ông Hà Văn P làm chứng. Sau đó, ông P nói cần tiền làm nhà

nên vay lại của ông 50.000.000VNĐ từ số tiền ông vừa vay của ông P2. Do có mối quan hệ quen biết nên ông đã cho ông P vay 50.000.000VNĐ. Lúc vay mượn không được lập thành văn bản, hai bên chỉ nói miệng với nhau.

Sự việc có ông Tòng Văn P2 biết. Vì vậy, ông P2 đã trực tiếp yêu cầu ông P thanh toán số tiền 50.000.000VNĐ và ông P đã chấp nhận, thể hiện tại Biên bản cam kết ngày 14/8/2018. Biên bản xác định ông P vay của P2 số tiền 56.000.000VNĐ (trong đó tiền gốc là 50.000.000VNĐ, tiền lãi là 6.000.000VNĐ). Tuy nhiên, sau đó ông P2 không buộc ông P phải thanh toán số tiền này mà buộc ông bà phải thanh toán số tiền này do ông P không được nhận tiền từ ông P2.

Tại bản án của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn (bản án đã có hiệu lực) đã xác định ông bà phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Tòng Văn P2 tổng số tiền 150.000.000VNĐ, trong đó có số tiền 50.000.000VNĐ ông bà cho ông Hà Văn P vay lại. Tại thời điểm giải quyết vụ án trên, ông bà chưa yêu cầu ông P phải thanh toán mà muốn hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Tuy nhiên, sau nhiều lần yêu cầu ông P thanh toán nhưng ông P trốn tránh nghĩa vụ thanh toán với lý do không có giấy tờ. Vì vậy, ông bà khởi kiện ông Hà Văn P phải có trách nhiệm thanh toán số tiền vay là 50.000.000VNĐ tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/8/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Hà Văn P thanh toán số tiền gốc là 50.000.000VNĐ, rút yêu cầu thanh toán đối với số tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Văn P đã được Tòa án thông báo việc khởi kiện và triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Cầm Văn B và bà Lò Thị S. Tòa án tiến hành khai thác các tài liệu thể hiện ý kiến của ông P tại hồ sơ vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 27/2021/DS-PT ngày 09/6/2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Ý kiến của ông Hà Văn P thể hiện như sau:

Ngày 08/8/2017, ông đi cùng ông B đến nhà ông P2 để vay số tiền là 150.000.000VNĐ, ông B là người nhận tiền trực tiếp từ ông P2, hai bên có viết giấy vay nợ với nhau. Ông ký với tư cách người làm chứng. Sau đó, ông P đang cần tiền để làm nhà nên đề nghị ông B cho vay 50.000.000VNĐ. Ông B đã lấy số tiền 50.000.000VNĐ từ số tiền vừa vay để cho ông vay lại nhưng hai bên không làm giấy tờ vay mượn.

Ngày 14/8/2018, ông gặp ông P2 ở trên đường, ông P2 mời ông đi cùng đến nhà anh Bùi Duy Quý để nói chuyện. Tại nhà anh Quý, ông P2 nói là để tin tưởng việc ông vay tiền thì hai bên viết giấy thể chấp với nhau, trong đó thể hiện ông vay số tiền 56.000.000VNĐ, trong đó gồm 50.000.000VNĐ gốc và 6.000.000VNĐ tiền lãi. Tuy nhiên, trên thực tế ông không được nhận tiền này từ ông P2 mà nhận từ ông B.

Ông khẳng định nhận số tiền 50.000.000VNĐ từ ông B thì sẽ có trách nhiệm thanh toán cho ông B, không vay mượn gì với ông P2. Kể từ khi vay thì ông vẫn

chưa trả được số tiền nợ này. Việc vay mượn giữa ông và ông B, hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Tòng Văn P2 trình bày:

Ngày 08/8/2017, ông cho ông Cầm Văn B trú tại Bản Lắm, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vay số tiền 150.000.000VNĐ, khi đi vay số tiền này có ông Hà Văn P đi cùng. Sau đó, ông B cho ông Hà Văn P vay lại số tiền 50.000.000VNĐ từ số tiền ông cho ông B vay. Qua trao đổi, ông P thừa nhận lấy chỗ ông B 50.000.000VNĐ từ số tiền ông B vay của ông. Vì vậy, ông đã trực tiếp làm tiếp với ông P đề nghị thanh toán cho ông số tiền lấy chỗ ông B và ông P cũng đồng ý. Do đó, ông đã làm Biên bản cam kết ngày 14/8/2018, trong đó xác định ông P vay của ông số tiền 56.000.000VNĐ (trong đó tiền gốc là 50.000.000VNĐ, tiền lãi là 6.000.000VNĐ). Tiền lãi tính từ ngày 8/8/2017 đến ngày 14/8/2018. Ông cho rằng, do chưa hiểu biết pháp luật nên ông yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền ông P vay lại của ông B. Tuy nhiên, sau nhiều lần yêu cầu ông P thanh toán nhưng ông P không thực hiện nghĩa vụ.

Thực tế, ông không cho ông P vay tiền nên ông P không nhận tiền từ ông mà nhận tiền từ ông B. Do đó, ông khởi kiện và Tòa án đã buộc ông B thanh toán cho tổng số tiền vay là 150.000.000VNĐ (bản án đã có hiệu lực pháp luật). Hiện nay, ông B đang thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền vay này nhưng ông B chưa có tiền thanh toán. Vì vậy, Biên bản cam kết ngày 14/8/2018 không có giá trị do không có việc bàn giao tiền trên thực tế, ông đề nghị Tòa án không xem xét văn bản này và không khởi kiện ông P.

Do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng cố tình không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên

xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cẩm Văn B và bà Lò Thị S. Buộc ông Hà Văn P phải thanh toán cho ông Cẩm Văn B và bà Lò Thị S số tiền nợ gốc là 50.000.000VNĐ. Chấp nhận yêu cầu rút yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Về án phí: Ông Cẩm Văn B và bà Lò Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Hà Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Cẩm Văn B và bà Lò Thị S khởi kiện yêu cầu ông Hà Văn P phải thanh toán số tiền vay theo thỏa thuận bằng miệng giữa hai bên đã được bị đơn thừa nhận tại các tài liệu trong một vụ án khác nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch vay tiền giữa hai bên được thực hiện vào ngày 08/8/2017. Tuy nhiên, tại thời điểm ngày 05/3/2021, ông Hà Văn P vẫn thừa nhận có việc vay tiền và nhận trách nhiệm thanh toán cho ông Cẩm Văn B. Vì vậy, giao dịch vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 3 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị hoãn phiên tòa nên căn cứ **Điều 227** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Văn P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến, không cung cấp tài liệu thể hiện việc đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho ông B. Tuy nhiên, căn cứ Bản tự khai ngày 05/3/2021 do ông Hà Văn P tự xác lập tại Tòa án, Biên bản hòa giải ngày 05/3/2021 có sự tham gia và ký nhận của ông Hà Văn P, ý kiến của người làm chứng ông Tòng Văn thấy rằng: Ngày 08/8/2017, ông Hà Văn P có vay số tiền 50.000.000VNĐ của ông Cẩm Văn B. Nguồn gốc số tiền cho ông P vay là từ số tiền ông Cẩm Văn B và bà Lò Thị S vay của ông Tòng Văn P2 theo giấy biên nhận vay tiền ngày 8/8/2017. Việc này được các bên thỏa thuận bằng miệng, có người làm chứng, không được lập thành văn bản. Tuy nhiên, ông P thừa nhận đã được nhận từ ông Cẩm Văn B số tiền 50.000.000VNĐ và nhận trách nhiệm thanh toán cho ông B số tiền vay. Theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Bộ luật dân sự, giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ

thể. Như vậy, cần xác định giao dịch vay tài sản giữa ông P và ông B là có thật và hợp pháp, cần được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Đối với Biên bản cam kết ngày 14/8/2018, trong đó xác định ông P vay của ông P2 số tiền 56.000.000VNĐ (trong đó tiền gốc là 50.000.000VNĐ, tiền lãi là 6.000.000VNĐ). Ông P2 đã thừa nhận, biên bản này để xác nhận số tiền 50.000.000VNĐ ông P đã nhận từ ông B từ nguồn tiền vay của ông. Tuy nhiên, khoản tiền này đã xác định trách nhiệm thanh toán của ông B cho ông P2 thể hiện tại bản án số 15/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn (Bản án có kháng cáo) và Quyết định số 05/2021/QĐ-PT ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La về việc đình chỉ giải quyết phúc thẩm. Ông P2 thừa nhận không được giao tiền cho ông P, xác nhận Biên bản cam kết ngày 14/8/2018 không có hiệu lực và không khởi kiện ông P.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hà Văn P có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 50.000.000VNĐ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi. Đây là yêu cầu tự nguyện của nguyên đơn, không trái với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: $50.000.000\text{VNĐ} \times 5\% = 2.500.000\text{VNĐ}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cẩm Văn B và bà Lò Thị S. Buộc ông Hà Văn P phải thanh toán cho ông Cẩm Văn B và bà Lò Thị S số tiền nợ gốc là 50.000.000VNĐ (*Năm mươi triệu đồng*), chấp nhận yêu cầu rút yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (ông Cẩm Văn B và bà Lò Thị S) cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Cẩm Văn B và bà Lò Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được trả lại số tiền 2.150.000 VNĐ (*Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001231 ngày 13 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn ông Hà Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 2.500.000VNĐ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định /.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Tráng A Ténh